

DANH MỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ ABBANK (2017)

Quy định hiện hành	Quy định sửa đổi	Cơ sở pháp lý/ Lý do sửa đổi
CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ		
<p>Điều 1: Định nghĩa</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như sau:</p> <p>b) “Vốn Điều lệ” là là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ Ngân hàng An Bình.</p> <p>d. “Luật Doanh Nghiệp”: là Luật Doanh Nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.</p> <p>f. “Pháp luật” là tất cả các bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị định, qui định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động Ngân hàng.</p> <p>s. “Cổ đông” là người sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần đã phát hành của Ngân hàng An Bình.</p> <p>t. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Ngân hàng An Bình.</p>	<p>Điều 1: Định nghĩa</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ <i>dưới</i> đây sẽ có nghĩa như sau:</p> <p>b) “Vốn Điều lệ” là <i>tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán của Ngân hàng An Bình.</i></p> <p>d. “Luật Doanh nghiệp”: là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua <i>ngày 26 tháng 11 năm 2014.</i></p> <p>f. “Pháp luật” <i>là hệ thống những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung trong các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm các hình thức văn bản như Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư.</i></p> <p>s. “Cổ đông” là <i>cá nhân, tổ chức</i> sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần đã phát hành của Ngân hàng An Bình.</p> <p>t. “Cổ đông sáng lập” là <i>cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập và/hoặc trên bản Điều lệ đầu tiên của Ngân hàng An Bình.</i></p>	<p>Khoản 29 Điều 4; Luật DN 2014</p> <p>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.</p> <p>Khoản 2 Điều 4; Luật DN 2014</p> <p>Khoản 2 Điều 4; Luật DN 2014</p>

<p>u. “Sổ đăng ký cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo qui định của NHNN.</p> <p>v. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với một tổ chức, cá nhân khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p>	<p><i>u. “Sổ đăng ký cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo qui định của pháp luật.</i></p> <p>v. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với một tổ chức, cá nhân khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau: <i>v.7 Các quan hệ khác giữa tổ chức, cá nhân mà pháp luật xác định là quan hệ của người có liên quan.</i></p>	<p>Điều 121 Luật DN 2014</p> <p>Bổ sung điểm v.7 trong khái niệm Người có liên quan theo Khoản 15 Điều 3 Thông tư 36/2014/TT-NHNN</p>
<p>CHƯƠNG II</p> <p>TÊN, ĐỊA CHỈ, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ CON DẤU CỦA NGÂN HÀNG AN BÌNH</p>		
<p>Điều 2: Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động của Ngân hàng An Bình</p> <p>5. Vốn điều lệ: 4.797.999.760.000 đồng (bốn ngàn bảy trăm chín mươi bảy tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).</p> <p>6. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN và các Ngân hàng trong nước theo qui định của NHNN.</p> <p>8. Thời hạn hoạt động là 99 (chín mươi chín) năm.</p>	<p>Điều 2: Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động của Ngân hàng An Bình</p> <p>5. Vốn điều lệ: <i>5.319.496.290.000 đồng (Năm ngàn ba trăm mười chín tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng).</i></p> <p>6. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN và các Ngân hàng trong nước theo qui định của NHNN. <i>Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu (bao gồm con dấu của Ngân hàng và các Đơn vị trực thuộc) thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng con dấu do Hội đồng Quản trị ban hành trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật.</i></p> <p>8. Thời hạn hoạt động là 99 (chín mươi chín) năm, <i>kể từ ngày được cấp phép thành lập và hoạt động.</i></p>	<p>Điều 44 Luật DN 2014;</p> <p>Điều 12 Nghị định 96/2015/NĐ-CP</p>

**CHƯƠNG III
MỤC TIÊU CỦA NGÂN HÀNG AN BÌNH,
NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG**

<p>Điều 4: Huy động vốn 6. Vay vốn ngắn hạn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn.</p>	<p>Điều 4. Huy động vốn [Bỏ khoản 6]</p>	<p>Do trùng lặp nội dung với Khoản 3, Điều này</p>
---	--	--

**CHƯƠNG IV
VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG AN BÌNH**

<p>Điều 20: Giảm vốn điều lệ 1. Việc mua lại cổ phần của chính Ngân hàng An Bình phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nếu dẫn đến giảm vốn điều lệ. 3. Ngân hàng An Bình chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động Ngân hàng, vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định và các điều kiện có liên quan khác do NHNN quy định.</p>	<p>Điều 20: Giảm vốn điều lệ 1. Việc mua lại cổ phần của chính Ngân hàng An Bình phải được NHNN chấp thuận <i>bằng văn bản trước khi thực hiện</i> nếu dẫn đến giảm vốn điều lệ. 3. Ngân hàng An Bình chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, <i>giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định.</i></p>	<p>Điều 57 Luật Các TCTD</p>
--	---	------------------------------

**CHƯƠNG V
CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

<p>Điều 23: Cổ phần, Cổ đông 3. Cổ phần, trái phiếu của Ngân hàng An Bình được mua bằng tiền Việt Nam và phải thanh toán đủ 01 (một) lần.</p>	<p>Điều 23: Cổ phần, Cổ đông 3. <i>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này</i>, Cổ phần, trái phiếu của Ngân hàng An Bình được mua bằng tiền Việt Nam và phải thanh toán đủ 01 (một) lần.</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 4 Điều này</p>
--	---	---

<p>4. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng An Bình và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo qui định tại Điều 29, Điều 30 Luật Doanh Nghiệp và các qui định của Pháp luật có liên quan.</p>	<p>4. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng An Bình và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo qui định tại <i>Điều 36, Điều 37</i> Luật Doanh nghiệp và các qui định của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Điều 36, 37 Luật DN 2014;</p>
<p>5. Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình quyết định giá chào bán cổ phần theo qui định của pháp luật. Trường hợp giá chào bán cổ phần cao hơn mệnh giá cổ phần thì phải được quyết nghị thông qua của Đại hội đồng Cổ đông, phần chênh lệch được hạch toán vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Mệnh giá cổ phần của Ngân hàng An Bình là 10.000 đồng (mười ngàn đồng) một cổ phần. Sau khi Ngân hàng An Bình đăng ký kinh doanh bất kỳ cổ phần phổ thông mới nào được dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán trước cho các cổ đông theo tỉ lệ tương đương với số cổ phần tương ứng mà họ hiện đang nắm giữ. Việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn mười lăm ngày) chấp nhận chào bán. Bất kỳ cổ phần nào không được chấp nhận theo thông báo chào bán đó sẽ thuộc quyền xử lý của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể phân phối các quyền mua cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được chào bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.</p>	<p>5. Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình quyết định giá chào bán cổ phần theo qui định của pháp luật. Mệnh giá cổ phần của Ngân hàng An Bình là 10.000 đồng (mười ngàn đồng) một cổ phần. <i>Việc phát hành cổ phần qua chào bán riêng lẻ hoặc chào bán ra công chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.</i></p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp và linh hoạt hơn với các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>

<p>Điều 24: Giới hạn sở hữu cổ phần 5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 69/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của Ngân hàng thương mại Việt Nam.</p>	<p>Điều 24: Giới hạn sở hữu cổ phần <i>5. Tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài tại Ngân hàng An Bình thực hiện theo quy định của Chính phủ.</i></p>	<p>Điều 16 Luật Các TCTD (Nghị định 69/2007/NĐ-CP đã bị thay thế bởi Nghị định 01/2014/NĐ-CP)</p>
<p>Điều 25: Cổ phiếu 1. Cổ phiếu của Ngân hàng An Bình là chứng chỉ do Ngân hàng An Bình phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu 01 (một) hoặc một số cổ phần của Ngân hàng An Bình. Cổ phiếu của Ngân hàng An Bình là cổ phiếu có ghi tên. Cổ phiếu Ngân hàng An Bình phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. Tên cổ đông;</p> <p>g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng An Bình;</p> <p>7. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký trong một cổ phiếu, cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và 01 (một) cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>8. Ngân hàng An Bình có thể quản lý cổ phiếu hộ cổ đông hoặc cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, rách, cháy, hoặc bị tiêu</p>	<p>Điều 25: Cổ phiếu 1. Cổ phiếu của Ngân hàng An Bình là chứng chỉ do Ngân hàng An Bình phát hành hoặc bút toán ghi sổ <i>hoặc dữ liệu điện tử</i> xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần Ngân hàng An Bình mà cổ đông sở hữu. Cổ phiếu Ngân hàng An Bình là cổ phiếu có ghi tên. Cổ phiếu Ngân hàng An Bình phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. <i>Họ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</i></p> <p>g. <i>Chữ ký</i> của người đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng An Bình;</p> <p>7. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký <i>được ghi nhận</i> trong một <i>chứng chỉ</i> cổ phiếu thì <i>chứng chỉ</i> cổ phiếu cũ sẽ <i>bị thu hồi</i> và hủy bỏ và <i>chứng chỉ</i> cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>8. Ngân hàng An Bình có thể quản lý <i>chứng chỉ</i> cổ phiếu hộ cổ đông hoặc cấp <i>chứng chỉ</i> cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, rách, cháy, hoặc bị tiêu</p>	<p>Điều 6 Khoản 1 Luật Chứng khoán; Điều 120 Luật DN 2014</p>

<p>hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải có đơn báo ngay và đề nghị Ngân hàng cấp lại cổ phiếu khác và phải trả phí theo qui định của Ngân hàng An Bình.</p>	<p>tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải có văn bản báo ngay và đề nghị Ngân hàng cấp lại chứng chỉ cổ phiếu và phải trả phí theo qui định của Ngân hàng An Bình.</p>	
<p>Điều 26: Chuyển nhượng cổ phần Việc chào bán và chuyển nhượng cổ phần thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 87 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Ngân hàng phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.</p>	<p>Điều 26: Chuyển quyền sở hữu cổ phần Việc chào bán, chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của <i>Điều lệ này, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Điều 122; các khoản 1, 3, 4, 5 Điều 124; Điều 125; Điều 126 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.</i></p> <p><i>2. Việc chuyển quyền sở hữu cổ phần được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường khi cổ phần Ngân hàng An Bình chưa được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán. Giấy tờ chuyển quyền sở hữu phải được bên chuyển quyền sở hữu và bên nhận chuyển quyền sở hữu hoặc đại diện hợp pháp của họ ký. Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình quy định cách thức, hồ sơ, thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.</i></p> <p><i>Trường hợp cổ phần Ngân hàng An Bình được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển quyền sở hữu và việc ghi nhận sở hữu cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</i></p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật DN 2014, Bộ Luật Dân sự</p>

**CHƯƠNG VII
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

<p>Điều 28: Sổ Đăng ký cổ đông</p> <p>1. [...]</p> <p>d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>2. Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng An Bình. Định kỳ 6 tháng/lần (sáu tháng/lần) Ngân hàng An Bình phải báo cáo bằng văn bản cho NHNN TP Hồ Chí Minh biết nếu có sự thay đổi một trong những nội dung nêu tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Các nội dung khác có liên quan đến Sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 86 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 28. Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>1. [...]</p> <p>d. Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <i>số Thẻ căn cước công dân</i>, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, <i>mã số doanh nghiệp</i> hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p><i>2. Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng An Bình hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam khi cổ phần Ngân hàng An Bình được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngân hàng An Bình thực hiện nghĩa vụ báo cáo cho NHNN về danh sách cổ đông, cập nhật thay đổi số cổ phần sở hữu của cổ đông và các thông tin liên quan khác theo quy định của NHNN.</i></p> <p><i>[Bỏ khoản 4]</i></p>	<p>Luật Chứng khoán Điều 121 Luật DN 2014</p>
---	---	---

<p>Điều 29: Quyền hạn của cổ đông</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Các quyền theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g khoản 1 Điều 79 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý và không được nhân danh người ủy quyền bỏ phiếu cho chính mình.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, có các quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 79 Luật Doanh nghiệp nhưng danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn do Hội đồng Quản trị quy định.</p> <p>5. Cổ đông ưu đãi biểu quyết có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 29: Quyền hạn của cổ đông</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Các quyền theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g khoản 1 <i>Điều 114</i> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; <i>người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý.</i></p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu <i>từ 10%</i> (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ này, có các quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3 <i>Điều 114</i> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 4 <i>Điều 114</i> Luật Doanh nghiệp nhưng danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn do Hội đồng Quản trị quy định.</p> <p>5. Cổ đông ưu đãi biểu quyết có các quyền theo quy định tại khoản 2 <i>Điều 116</i> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền theo quy định tại khoản 2 <i>Điều 117</i> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Luật Các TCTD; Điều 114, 116, 117 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 30: Nghĩa vụ của Cổ đông</p> <p>1. Cổ đông của Ngân hàng An Bình phải thực hiện các nghĩa vụ sau:</p> <p>b. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều</p>	<p>Điều 30: Nghĩa vụ của Cổ đông</p> <p>1. Cổ đông của Ngân hàng An Bình phải thực hiện các nghĩa vụ sau:</p> <p>b. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ</p>	<p>Điều 115 Luật DN 2014;</p>

<p>lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;</p> <p>d. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 80 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>e. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị;</p>	<p>của Ngân hàng An Bình, trừ trường hợp được Ngân hàng An Bình hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Ngân hàng An Bình phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>d. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>[Bỏ điểm e do trùng lặp với viện dẫn tại điểm d]</p>	<p>Bỏ nội dung tại điểm e khoản 1 điều này do nội dung bị trùng lặp với quy định dẫn chiếu tại điểm d khoản này.</p>
<p>Điều 31: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>1. [...]</p> <p>c Thông qua Quy định nội bộ về tổ chức hoạt động, chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;</p> <p>k. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận</p> <p>3. Các nội dung khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 96 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 31: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>1. [...]</p> <p>c Phê chuẩn Quy định nội bộ về tổ chức hoạt động, chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;</p> <p>k. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng An Bình;</p> <p>3. Các nội dung khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điểm c Khoản 2 Điều 59 Luật Các TCTD</p> <p>Điểm 1 Khoản 2 Điều 59 Luật Các TCTD</p> <p>Điều 135 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 32: Hợp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông: thực hiện theo quy định tại Điều 97 Luật Doanh nghiệp (ngoại trừ những quy định trái với Luật các tổ</p>	<p>Điều 32: Hợp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông: thực hiện theo quy định tại Điều 136 Luật Doanh nghiệp (ngoại trừ những quy định trái với Luật Các tổ chức tín</p>	<p>Điều 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142 Luật DN</p>

<p>chức tín dụng 2010). Trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của ngân hàng An Bình, Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường và quyết định về nội dung Ngân hàng Nhà nước yêu cầu.</p> <p>2. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường theo quyết định triệu tập họp của Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật các tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.</p> <p>3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 98 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 99 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>dụng). Trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của ngân hàng An Bình, Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường và quyết định về nội dung Ngân hàng Nhà nước yêu cầu.</p> <p>2. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường theo quyết định triệu tập họp của Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật các tổ chức tín dụng <i>và/hoặc số lượng thành viên còn lại không đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng;</i></p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu <i>từ</i> 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;</p> <p>e) Các trường hợp khác <i>theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i></p> <p>3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại <i>Điều 137</i> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại <i>Điều 138</i> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>2014; Khoản 3 Điều 43 Luật Các TCTD</p>
--	---	--

<p>5. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 101 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 102 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>8. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 103 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>5. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 141 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>8. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p>Điều 33: Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>1. Việc thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 4, 6 Điều 104 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề quy định tại các điểm a, d, f, q khoản 1 Điều 31 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>3. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:</p> <p>a. Các điều kiện quy định tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều 104 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51%</p>	<p>Điều 33: Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>1. Việc thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 143; Điều 144 Luật Doanh nghiệp và các quy định tại Điều này.</p> <p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề quy định tại các điểm a, d, f, q khoản 1 Điều 31 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>3. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:</p> <p>a. Trừ trường hợp quy định tại điểm b và c khoản này, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận</p>	<p>Khoản 2, 3 Điều 59 Luật Các TCTD; Điều 143, 144, 145 Luật DN 2014</p>

tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

c. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, đối với một số vấn đề sau:

- Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ
- Quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của ngân hàng An Bình có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng An Bình.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng;
- Quyết định việc tổ chức lại, giải thể Ngân hàng hoặc yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;

4. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 105 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

b. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện *ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận đối với một số vấn đề sau:

- Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ;
- *Thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;*
- Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của ngân hàng An Bình có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng;
- Quyết định việc tổ chức lại, giải thể Ngân hàng hoặc yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
- *Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.*

c. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức xác định người trúng cử phải đạt ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu bầu. Trường hợp số lượng ứng viên nhiều hơn số lượng cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát áp dụng theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

4. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua *nghị quyết* của Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại *Điều 145* Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua *nghị quyết* dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì *nghị quyết* của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện *ít nhất 71% (bảy mươi một phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

<p>Điều 34: Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông 1. Các nội dung liên quan đến biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 106 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 34: Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông 1. Các nội dung liên quan đến biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định <i>tại Điều 146</i> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 146 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 35: Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 107 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 35: Hủy bỏ các <i> nghị quyết </i> của Đại hội đồng Cổ đông Việc yêu cầu hủy bỏ <i> nghị quyết </i> của Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định <i>tại Điều 147</i> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 147 Luật DN 2014</p>
<p>CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</p>		
<p>Điều 40: Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ 2. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc làm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và chức danh tương đương của Ngân hàng An Bình: f. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng. g. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) không được là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng An Bình;</p>	<p>Điều 40: Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ 2. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và chức danh tương đương của Ngân hàng An Bình: <i>[Bỏ điểm f vì trùng lặp với điểm g].</i> g. Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng An Bình;</p>	<p>Bỏ quy định tại điểm f khoản này do đã trùng lặp nội dung với điểm g.</p>
<p>Điều 41: Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ 2. Thành viên Ban Kiểm soát: b. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản</p>	<p>Điều 41: Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ 2. Thành viên Ban Kiểm soát: b. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản</p>	<p>Khoản 2 Điều 34 Luật Các TCTD</p>

<p>trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tại Ngân hàng An Bình;</p>	<p>trị, <i>thành viên Hội đồng thành viên</i>, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tại Ngân hàng An Bình;</p>	
<p>Điều 43: Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập 3. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của ABBANK, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của ABBANK hoặc công ty con của ABBANK.</p>	<p>Điều 43: Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị 3. Không phải là người có vợ hoặc chồng, <i>cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ chồng của những người</i> này là cổ đông lớn của Ngân hàng An Bình, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng An Bình hoặc công ty con của Ngân hàng An Bình.</p> <p><i>6. Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị có liên quan.</i></p>	<p>Điều 151 Luật DN 2014; khoản 2 Điều 50 Luật Các TCTD.</p>
<p>Điều 47: Công khai các thông tin liên quan 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của Ngân hàng An Bình phải công khai với ngân hàng các thông tin sau đây:</p>	<p>Điều 47: Công khai các thông tin liên quan 1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng An Bình phải công khai với ngân hàng các thông tin sau đây: a) Tên, <i>mã số doanh nghiệp</i>, địa chỉ trụ sở chính, ngành,</p>	<p>Điều 39 Luật Các TCTD; Điều 159 Luật DN 2014</p>

<p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;</p> <p>b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p>	<p>nghề kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;</p> <p>b) Tên, <i>mã số doanh nghiệp</i>, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc)</p>	
<p>Điều 49: Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc công ty trực thuộc, Giám đốc đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng An Bình</p> <p>4. Việc công khai các lợi ích có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 118 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 49: Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty trực thuộc, Giám đốc đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng An Bình</p> <p>4. Việc công khai các lợi ích có liên quan thực hiện theo quy định tại <i>Điều 39 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 159</i> Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Điều 39 Luật Các TCTD; Điều 159 Luật DN 2014</p>

<p>Điều 50: Trách nhiệm và bồi thường [không có khoản 3]</p>	<p>Điều 50: Trách nhiệm và bồi thường <i>3. Ngân hàng An Bình sẽ bồi thường theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại phát sinh trong quá trình Thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện chức trách được giao với điều kiện Thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Ngân hàng An Bình khi thi hành nhiệm vụ. Việc bồi hoàn, thanh toán, chi trả các chi phí phát sinh cho Thành viên Hội đồng Quản trị để thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 57 Điều lệ này.</i></p>	<p>Bổ sung khoản 3 theo Thỏa thuận đã ký với CD Maybank/IFC</p>
<p>CHƯƠNG X HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>		
<p>Điều 51: Thành phần và nhiệm kỳ 1. Đại hội đồng Cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị với số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.</p>	<p>Điều 51: Thành phần và nhiệm kỳ <i>1. Đại hội đồng Cổ đông bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 33 Điều lệ này. Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị (và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, nếu có) trong số các thành viên Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.</i></p>	<p>Điểm d, Khoản 3, Điều 59 Luật Các TCTD; Khoản 3, Điều 144, Luật DN 2014.</p>
<p>Điều 52: Cơ cấu tổ chức của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị 3. Chủ nhiệm các Ủy ban phải là thành viên Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ nhiệm và các thành viên của Ủy ban theo quy định nội bộ của Ngân hàng An Bình.</p>	<p>Điều 52: Cơ cấu tổ chức của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị 3. Chủ nhiệm các Ủy ban phải là thành viên Hội đồng Quản trị. <i>Một thành viên Hội đồng Quản trị không đồng thời là Chủ nhiệm của Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự.</i> Hội đồng Quản trị <i>quyết định</i> bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ nhiệm của Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự.</p>	<p>Khoản 6 Điều 43 Luật Các TCTD; Điều 25 Thông tư 40/2011 của NHNN (đã được sửa đổi theo</p>

<p>4. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, Ủy ban có thể bao gồm một hoặc một số thành viên không phải là thành viên Hội đồng Quản trị (như chuyên gia tư vấn độc lập, cán bộ tại các bộ phận chuyên môn của Ngân hàng hoặc các trường hợp khác do Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình quyết định).</p> <p>5. Hội đồng Quản trị phải ban hành quy định nội bộ về cơ chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi ban hành, Hội đồng Quản trị gửi các quy định nội bộ này tới NHNN chi nhánh và NHNN (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát) để báo cáo.</p>	<p>4. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, <i>Ủy ban có thể bao gồm một hoặc một số thành viên không phải là thành viên Hội đồng Quản trị.</i></p> <p>5. Hội đồng Quản trị ban hành quy định nội bộ về cơ chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của <i>Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Ngay sau khi ban hành</i>, Hội đồng Quản trị gửi các quy định nội bộ này tới NHNN chi nhánh và NHNN (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát) để báo cáo.</p>	<p>Thông tư 08/2015/TT-NHNN)</p>
<p>Điều 55: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>8. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản, các khoản cho vay, bảo lãnh có giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động Ngân hàng An Bình, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại điểm n khoản 1 Điều 31 điều lệ này.</p>	<p>Điều 55: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>8. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản, các khoản cho vay, bảo lãnh có giá trị <i>từ</i> 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động Ngân hàng An Bình, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại điểm n khoản 1 Điều 31 Điều lệ này.</p>	<p>Khoản 8 Điều 63 Luật các TCTD</p>
<p>Điều 56: Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị 2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác đang cư trú tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình:</p>	<p>Điều 56: Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị 2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Thành viên khác của Hội đồng Quản trị đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình:</p>	<p>Điều 152 Luật DN 2014; Điều 64 Luật các TCTD</p>

<p>a. Các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp, Điều 64 Luật các Tổ chức tín dụng 2010.</p>	<p>a. Các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại <i>khoản 3, 4 Điều 152</i> Luật Doanh nghiệp, Điều 64 Luật Các tổ chức tín dụng.</p>	
<p>Điều 57: Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc 2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây: b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác (bao gồm cả chi phí hợp lý cho các chuyến công tác và tham dự họp của thành viên Hội đồng quản trị do cổ đông nước ngoài đề cử) mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;</p>	<p>Điều 57: Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc 2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây: <i>b. Thành viên Hội đồng Quản trị được Ngân hàng An Bình thanh toán, chi trả các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác theo quy định của Ngân hàng An Bình khi Thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ được giao (bao gồm cả chi phí hợp lý cho các chuyến công tác và tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, cuộc họp các Ủy ban của Hội đồng Quản trị hoặc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông);</i></p>	
<p>Điều 60: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị 1. Các nội dung liên quan đến việc họp Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. 2. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp</p>	<p>Điều 60: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị 1. Các nội dung liên quan đến việc họp Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại các <i>khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7 Điều 153</i> Luật Doanh nghiệp. 2. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn <i>07 (bảy) ngày</i>, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản</p>	<p>Điều 153, 154 Luật DN 2014; Khoản 5 Điều 81 Luật Các TCTD</p>

<p>này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>4. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 01(một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.</p> <p>7. Biên bản họp Hội đồng Quản trị:</p> <p>a. Các nội dung liên quan đến Biên bản họp Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 113 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>4. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. <i>Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.</i> Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên khác của Hội đồng Quản trị hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 01(một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp. Thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt tại cuộc họp nhưng đã ủy quyền cho Thành viên khác của Hội đồng Quản trị thay mặt mình phát biểu ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp hoặc gửi ý kiến biểu quyết trước được coi như đã tham dự và biểu quyết về nội dung cuộc họp.</p> <p>7. Biên bản họp Hội đồng Quản trị:</p> <p>a. Các nội dung liên quan đến Biên bản họp Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 <i>Điều 154</i> Luật Doanh nghiệp.</p>	
---	---	--

<p>Điều 61: Hợp đồng, giao dịch phải được sự nhất trí cao của Hội đồng quản trị</p> <p>Các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng An Bình với người có liên quan phải được tuân thủ theo qui định của Pháp luật Việt Nam và cam kết với cổ đông nước ngoài. Hội đồng quản trị ban hành quy định hướng dẫn chi tiết nội dung này.</p>	<p>Điều 61: Quyết định cần được tất cả thành viên của Hội đồng Quản trị thông qua</p> <p><i>Quyết định của Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau đây được thông qua theo nguyên tắc đồng thuận của tất cả các thành viên có quyền biểu quyết:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <i>1. Thông qua Hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng An Bình với bất cứ bên liên quan nào có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ Ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các hợp đồng nhỏ có thời hạn dưới một (01) năm và được thoả thuận trên cơ sở bình đẳng theo các điều kiện thương mại thông thường. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;</i> <i>2. Thông qua sửa đổi ngân sách kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng An Bình (đã được phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất);</i> <i>3. Phê duyệt nghĩa vụ thanh toán ngoại lệ so với các quy định trong kinh doanh của Ngân hàng An Bình mà không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này đối với nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt hay phương thức khác có tổng giá trị vượt quá 5% (năm phần trăm) tổng vốn chủ sở hữu của Ngân hàng An Bình trong năm tài chính đó;</i> <i>4. Huỷ bỏ hoặc thay thế tổ chức kiểm toán độc lập theo uỷ quyền của Đại hội đồng Cổ đông.</i> 	<p>Bổ sung trên cơ sở tuân thủ pháp luật và theo Thoả thuận đã ký với CĐ Maybank/IFC</p>
--	---	--

**CHƯƠNG XI
TỔNG GIÁM ĐỐC**

<p>Điều 65: Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc 1. Các quyền và nhiệm vụ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 116 Luật Doanh nghiệp, Điều 49 luật Các Tổ chức tín dụng 2010</p>	<p>Điều 65: Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc 1. Các quyền và nhiệm vụ quy định tại khoản 3, khoản 4 <i>Điều 157</i> Luật Doanh nghiệp, Điều 49 Luật Các tổ chức tín dụng.</p>	<p>Điều 157 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 70: Các cuộc họp của Ban Kiểm soát 5. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 5 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được gửi kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban Kiểm soát trước khi họp.</p>	<p>Điều 70: Các cuộc họp của Ban Kiểm soát 5. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau <i>ít nhất 5</i> (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm <i>soát trừ trường hợp được các thành viên Ban Kiểm soát đồng ý về thời hạn sớm hơn</i>. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được gửi kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu <i>biểu quyết</i> cho Ban Kiểm soát trước khi họp.</p>	<p>Điều chỉnh nhằm phù hợp với khả năng và thực tế thực hiện.</p>

**CHƯƠNG XIV
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG**

<p>Điều 74: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 4. Mỗi cổ đông sẽ có quyền nhận được 01(một) bản sao Điều lệ này miễn phí. Nếu Ngân hàng An Bình có một trang web, Điều lệ sẽ được công bố trên trang web này.</p>	<p>Điều 74: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 4. Mỗi cổ đông sẽ có quyền nhận được 01(một) bản sao Điều lệ này. <i>Trường hợp</i> Điều lệ này được công bố trên trang web của Ngân hàng An Bình <i>thì việc công bố này được thay cho việc cung cấp bản sao Điều lệ này cho cổ đông</i>.</p>	<p>Điều chỉnh nhằm phù hợp thực tế thực hiện và quy định của pháp luật</p>
---	---	--

**CHƯƠNG XV
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN**

<p>Điều 75: Người lao động và công đoàn Tổng Giám Đốc sẽ phải xây dựng Quy chế liên quan đến việc tuyển dụng, thuê mướn lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Ngân hàng An Bình cũng như quan hệ của Ngân hàng An Bình với tổ chức Công đoàn, để báo cáo Hội đồng Quản trị xem xét và trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 75: Người lao động và công đoàn Tổng Giám Đốc <i>chịu trách nhiệm</i> xây dựng các văn bản, chính sách liên quan đến việc tuyển dụng, thuê mướn lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Ngân hàng An Bình cũng như quan hệ của Ngân hàng An Bình với tổ chức Công đoàn, <i>trình</i> Hội đồng Quản trị ban hành <i>hoặc ban hành theo thẩm quyền của Tổng Giám đốc.</i></p>	<p>Điều 157 Luật DN 2014; Khoản 5, Điều 49 Luật các TCTD</p>
---	---	---

**CHƯƠNG XVI
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

<p>Điều 76: Cổ tức 1. Việc trả cổ tức của Ngân hàng An Bình thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 76: Cổ tức 1. Việc trả cổ tức của Ngân hàng An Bình thực hiện theo quy định tại <i>Điều 132</i> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 132 Luật DN 2014</p>
--	--	------------------------------

**CHƯƠNG XVIII
BÁO CÁO HÀNG NĂM, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

<p>Điều 88: Chế độ tài chính Ngân hàng An Bình chấp hành chế độ tài chính theo qui định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p>	<p><i>[Bỏ Điều 88 do nội dung trùng lặp]</i></p>	<p>Trùng lặp nội dung với khoản 1 Điều 82 Điều lệ</p>
--	--	---

**CHƯƠNG XXI
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

<p>Điều 99: Giải quyết tranh chấp nội bộ 2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng 8 (tám) tuần từ khi bắt đầu quá trình</p>	<p>Điều 99: Giải quyết tranh chấp nội bộ 2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng 8 (tám) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải</p>	<p>Điều 30, 31, 34 Bộ Luật Tố tụng dân</p>
--	---	--

<p>hòa giải hoặc nếu quyết định của hòa giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án Kinh Tế.</p>	<p>hoặc nếu quyết định của hòa giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án <i>nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.</i></p>	<p>sự 2015.</p>
<p>MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC</p>		
	<ul style="list-style-type: none"> - Bỏ cụm từ “Sở Giao Dịch” trong toàn bộ Điều lệ - Viết tắt Ngân hàng Nhà nước là: “NHNN”. - Đổi tên “Mục” thành tên “Chương” cho mỗi Chương của Điều lệ. - Chính sửa tên “Ủy ban về vấn đề Quản lý rủi ro” thành “<i>Ủy ban Quản lý rủi ro</i>”; và “Ủy ban về vấn đề Nhân sự” thành “<i>Ủy ban Nhân sự</i>”; - Chính sửa thuật ngữ, sửa lỗi kỹ thuật và hình thức trình bày, chính tả cho chính xác và thống nhất. 	<p>Điều 33 Khoản 1 Thông tư 21/2013/TT- NHNN</p>